

Số: 94 /QĐ-THPTMĐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017 ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của trường THPT Mạc Đĩnh Chi (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận văn phòng, bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trần Thanh Bình

Đơn vị: Trường THPT Mạc Đĩnh Chi

Chương: 422



SỐ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Quyết định số: 94/QĐ-THPTMĐC ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Mạc Đĩnh Chi)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu đề nghị quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	42.256.037.986	42.256.037.986		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.807.900.000	22.807.900.000		
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường	899.515.001	899.515.001		
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.996.751.009	6.996.751.009		
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)	11.551.871.976	11.551.871.976		
1.5	Kinh phí giao không tự chủ (bổ sung sau ngày	0	0		